

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích tại Phụ lục I kèm theo.

Điều 2. Các đơn vị thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10

năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Hồ sơ trình, giải quyết thủ tục hành chính đối với các trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích cần ghi rõ tại góc trên phía bên phải của Phiếu trình là “DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH” viết tắt là “DVBCCI” theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục II kèm theo.

3. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả) thực hiện thống kê số hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, đồng thời cập nhật vào báo cáo định kỳ theo quy định.

4. Phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện niêm yết Danh mục thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 Quyết định này tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Điều 3. Văn thư Bộ phối hợp với Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trong quá trình phát hành văn bản là kết quả giải quyết thủ tục hành chính có yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích ghi trên Phiếu trình giải quyết công việc để chuyển cho cá nhân, tổ chức theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1531/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu, Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *clw*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (để p/h);
- Các đơn vị: GSTĐĐT, QLKKT, VP (LĐVP, các đơn vị thuộc VP) (để t/h);
- Trung tâm CNTT (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP (THKS). *vt*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2548/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) *chữ*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI (Công bố tại Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25 tháng 10 năm 2024)		
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
2	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Quốc hội	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
4	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
6	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
8	Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
9	Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
10	Thông báo kéo dài thời hạn chuyển lợi nhuận của dự án đầu tư ra nước ngoài về nước	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
11	Hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
II. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM		
Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Công bố tại Quyết định số 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 11 năm 2018)		
12	Xác nhận chuyên gia	- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		- Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định 119/2009/QĐ-TTg
III. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU <i>(Công bố tại Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 6 năm 2024)</i>		
13	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP - Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT
14	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	
15	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	
16	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ KHÔNG THỰC HIỆN VIỆC TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
I. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA¹ <i>(Công bố tại Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 6 năm 2022)</i>		
1	Công bố thông tin thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; thông báo giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và báo cáo hoạt động quỹ khởi nghiệp sáng tạo trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP
2	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP - Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT
II. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU² <i>(Công bố tại Quyết định số 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 6 năm 2024)</i>		
3	Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với nhà thầu, nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP
4	Cập nhật thông tin tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM³ <i>(Công bố tại Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định số 2469/QĐ-BKHĐT ngày 25 tháng 10 năm 2024)</i>		
7	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT

¹ Các TTHC thực hiện trực tuyến toàn trình trên Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.

² Các TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

³ Các TTHC có tính chất phức tạp, thành phần hồ sơ nhiều, số lượt hồ sơ phát sinh thấp, không thường xuyên.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		- Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
15	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT - Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT
16	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư năm 2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
IV. LĨNH VỰC THÀNH LẬP SẮP XẾP LẠI CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NẤM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ⁴ <i>(Công bố tại Quyết định số 1330/QĐ-BKHĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022)</i>		
17	Thành lập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	- Luật Doanh nghiệp năm 2020 - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP
18	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	- Luật Doanh nghiệp năm 2020 - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP
19	Chia, tách doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	- Luật Doanh nghiệp năm 2020 - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP
20	Thành lập doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập	- Luật Doanh nghiệp năm 2020 - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP
21	Giải thể doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	- Luật Doanh nghiệp năm 2020 - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại

⁴ Là các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, hồ sơ văn bản được thực hiện qua Hệ thống gửi - nhận văn bản điện tử E-office.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		doanh nghiệp năm 2014 - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP
V. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM		
Mục 1. Nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam⁵ (Công bố tại Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 8 năm 2020)		
22	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP
23	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 80/2020/NĐ-CP
24	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP
Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài⁶ (Công bố tại Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10 tháng 8 năm 2023)		
25	Tham gia chương trình, dự án khu vực	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
26	Quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu	- Luật Đầu tư công năm 2019

⁵ Là TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, hồ sơ văn bản được thực hiện qua Hệ thống gửi – nhận văn bản điện tử E-office.

⁶ TTHC bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, hồ sơ văn bản được thực hiện qua Hệ thống gửi - nhận văn bản điện tử E-office.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt	- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
27	Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
28	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Chính phủ	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
29	Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
30	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
31	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
32	Điều chỉnh chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
33	Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP
34	Điều chỉnh quyết định chủ trương thực hiện và quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án	- Luật Đầu tư công năm 2019 - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP

<p><i>nhau</i>), các vấn đề phức tạp khác,... theo đề xuất của Người đứng đầu đơn vị thì làm Báo cáo giải trình, Tờ trình Lãnh đạo Bộ để trình kèm theo và <i>ghi rõ là có Báo cáo giải trình, Tờ trình kèm theo Phiếu trình.</i></p> <p>b) Trường hợp nội dung công việc không lấy ý kiến các đơn vị liên quan, thì nêu rõ không lấy ý kiến.</p>	
<p>3. Ý kiến của đơn vị chủ trì</p> <p>a) Ý kiến của chuyên viên xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị về nội dung văn bản - Kiến nghị người ký ban hành văn bản (<i>Lãnh đạo Bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Người đứng đầu đơn vị</i>) <p style="text-align: center;">Chuyên viên soạn thảo</p> <p style="text-align: center;">Họ và tên Điện thoại: Ngày tháng năm 202...</p> <p>b) Ý kiến Lãnh đạo các cấp của đơn vị chủ trì¹⁰ - Ý kiến của Lãnh đạo cấp phòng (nếu có)¹¹</p> <p style="text-align: center;">Họ và tên Ngày tháng năm 202...</p> <p>- Ý kiến của cấp phó Người đứng đầu đơn vị (nếu có)</p> <p style="text-align: center;">Họ và tên Ngày tháng năm 202...</p> <p>- Ý kiến của Người đứng đầu đơn vị¹²</p> <p style="text-align: center;">Họ và tên Ngày tháng năm 202...</p>	

¹⁰ Lãnh đạo các cấp của đơn vị phải nêu ý kiến đồng ý/không đồng ý hoặc quan điểm khác (nếu có) vào Phiếu trình.

¹¹ Ghi rõ tên Phòng/Ban xử lý công việc. Trường hợp đơn vị không có cấp phòng hoặc nhiều cấp ký trình hơn thì điều chỉnh các ô ý kiến cho phù hợp với thẩm quyền và cơ cấu tổ chức của đơn vị mình.

¹² Trường hợp người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ đi vắng, Lãnh đạo cấp phó ký thay thì cần ghi rõ ký thay/ký ủy quyền.

4. Xác nhận của Người đứng đầu các đơn vị liên quan thuộc Bộ¹³		
Họ và tên Ngày tháng năm 202...		
Thư ký Lãnh đạo Bộ Ngày tháng năm 202...	Chánh Văn phòng Bộ Ngày tháng năm 202...	
Tài liệu ban hành kèm theo: <i>Đề nghị chuyên viên soạn thảo văn bản ghi rõ các văn bản, tài liệu gửi kèm khi phát hành văn bản</i>		

¹³ Trong trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu của Bộ trưởng nếu cần thì đề nghị các đơn vị liên quan cùng ký Phiếu trình thì ghi rõ tên đơn vị, người ký trình, ngày ký.